

Số: 110 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý I/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 v/v ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 44 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 11 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	Cộng
1	Công nghệ thông tin	-	01	02	02	05	10
2	Hệ thống thông tin quản lý	-	-	01	-	-	01
3	Kế toán	-	-	03	-	-	03
4	Kinh doanh thương mại	-	-	01	-	-	01
5	Quản trị kinh doanh	01	-	-	01	02	04
6	Ngôn ngữ Anh	-	-	-	-	01	01
7	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	-	-	01	01

TT	Ngành tốt nghiệp	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	Cộng
8	Công nghệ thực phẩm	-	-	-	-	05	05
9	Kỹ thuật môi trường	-	-	-	01	-	01
10	Kỹ thuật cơ khí	-	-	-	01	02	03
11	Kỹ thuật cơ điện tử	-	-	01	-	01	02
12	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	01	01	02
13	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	02	01	01	04
14	Kỹ thuật ô tô	-	-	-	-	05	05
15	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	-	01	-	01

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 2013-2016	K56 2014-2017	K57 2015-2018	K58 2016-2019	K59 2017-2020	Cộng
1	Công nghệ thông tin	-	-	-	03	04	07
2	Công nghệ chế biến thủy sản	-	01	-	-	-	01
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	-	-	01	01
4	Kỹ thuật nhiệt	-	-	01	-	-	01
5	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	01	-	01

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trương Sĩ Trung



ĐANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ I NĂM 2021

Theo Quyết định số 110 /QĐ-ĐHNT ngày 29 tháng 01 năm 2021

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Công nghệ thông tin

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55131618	Nguyễn Văn Tây	24/04/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNTT-1	2013-2017
2	56130841	Lưu Duy Thành	08/03/1996	Thanh Hóa	Nam	Trung bình	56.CNTT-2	2014-2018
3	56131703	Bùi Lê Thi Thiên	14/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNTT-2	2014-2018
4	57130693	Hà Công Thi	20/11/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CNTT-2	2015-2019
5	57131054	Võ Quỳnh Nhi	24/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNTT-2	2015-2019
6	57131775	Ngô Văn Tiến	01/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CNTT-2	2016-2020
7	58131282	Nguyễn Thành Đạt	21/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNTT-2	2016-2020
8	58131370	Sầm Văn Quân	03/04/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNTT-1	2016-2020
9	58131387	Ngô Quang Tiến	20/08/1998	Quảng Trị	Nam	Trung bình	58.CNTT-2	2016-2020
10	58133627	Huỳnh Tiến Đạt	03/01/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNTT-1	2016-2020

Danh sách có 10 sinh viên

2. Hệ thống thông tin quản lý

1	56135104	Vũ Trung Tín	10/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.TTQL	2014-2018
---	----------	--------------	------------	-----------	-----	------------	---------	-----------

Danh sách có 01 sinh viên

3. Kế toán

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56131363	Hoàng Mạnh Cường	01/01/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.KT-1	2014-2018
2	56136494	Đặng Thị Thanh Tâm	07/02/1992	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.KT-2	2014-2018
3	56131360	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	10/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.KT-3	2014-2018

Danh sách có 03 sinh viên

4. Kinh doanh thương mại

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132301	Lê Võ Trúc An	15/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.KDTM-1	2014-2018

Danh sách có 01 sinh viên

5. Quản trị kinh doanh

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	54130915	Nguyễn Đại Nghĩa	21/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.QTKD-1	2012-2016
2	58133403	Trương Tuấn Đông	13/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.QTKD-2	2016-2020
3	58130224	Đỗ Thị Hạnh	27/01/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.QTKD-2	2016-2020
4	57131744	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	27/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKDP	2015-2019

Danh sách có 04 sinh viên

6. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
11	58130175	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020

Danh sách có 01 sinh viên

7. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58133366	Lê Thị Hiền	10/04/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNCB	2016-2020

Danh sách có 01 sinh viên

Handwritten signature

8. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58132508	Trần Văn Khoa	20/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNTP-2	2016-2020
2	58132531	Lương Thị Mỹ Ly	23/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNTP-2	2016-2020
3	58132452	Võ Thị Duyên	15/07/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	58.CNTP-3	2016-2020
4	58132593	Huỳnh Thị Phụng	30/10/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58.CNTP-3	2016-2020
5	58133392	Nguyễn Thị Hà Phương	13/11/1998	Hà Nam	Nữ	Trung bình	58.CNTP-3	2016-2020

Danh sách có 05 sinh viên

9. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57132079	Nguyễn Trung Bảo	14/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

10. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131776	Cao Văn Phi	11/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
2	58131574	Nguyễn Hữu Công	03/03/1998	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
3	58131694	Lê Hữu Thiết	27/02/1997	Thanh Hoá	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020

Danh sách có 03 sinh viên

11. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132109	Phan Thanh Văn	19/01/1996	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56.CDT	2014-2018
2	58131780	Nguyễn Đức Duy	19/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020

Danh sách có 02 sinh viên

12. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130151	Nguyễn Phước An	03/05/1997	Quảng Trị	Nam	Trung bình	57.CTM	2016-2019
2	58133265	Võ Văn Vương Quốc	26/11/1998	Quảng Nam	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020

Danh sách có 02 sinh viên

13. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56135048	Lê Minh Hoàng	27/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.DDT	2014-2018
2	56132025	Nguyễn Công Thành	16/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.DDT	2014-2018
3	57132524	Chu Văn Nhật	17/12/1995	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
4	58130790	Nguyễn Văn Hào	23/07/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.DDT-1	2016-2020

Danh sách có 04 sinh viên

14. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58131914	Lê Phi Hoàng	02/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNOT-1	2016-2020
2	58132011	Huỳnh Văn Thành	24/10/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
3	58131920	Hàng Quốc Huy	20/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNOT-2	2016-2020
4	58131864	Hồ Quang Bình	01/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
5	58131985	Phạm Trần Lê Sang	07/12/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020

Danh sách có 05 sinh viên

15. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130982	Nguyễn Hiếu Thiện	17/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KTTT-1	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ I NĂM 2021

Theo Quyết định số 110 /QĐ-ĐHNT ngày 29 tháng 01 năm 2021

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ thông tin*

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58160541	Tổng Khánh Hòa	06/06/1998	Lâm Đồng	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
2	58160590	Nguyễn Trần Phúc Thiện	27/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
3	58161209	Nguyễn Đức Huy	30/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
4	59160613	Trần Ngọc Hoài	02/05/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59C.CNTT-1	2017-2020
5	59160654	Phan Trọng Lực	27/03/1999	Bình Định	Nam	Trung bình	59C.CNTT-2	2017-2020
6	59169239	Võ Thị Trang	08/10/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59C.CNTT-2	2017-2020
7	59169356	Nguyễn Long Đăng	04/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNTT-2	2017-2020

Danh sách có 07 sinh viên

2. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56161780	Nguyễn Ngọc Diệp	30/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CBTS	2014-2017

Danh sách có 01 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59161237	Nguyễn Sơn Tây	09/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020

Danh sách có 01 sinh viên

4. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160950	Hồ Văn Thắng	10/10/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	57C.NL	2015-2018

Danh sách có 01 sinh viên

5. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58161207	Dương Ngọc Thanh Trâm	28/09/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58C.NTTS	2016-2019

Danh sách có 01 sinh viên

Handwritten signature